

TÁC ĐỘNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ VÀ LAO ĐỘNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH BẾN TRE

Hoàng Võ Hằng Phương

Ngô Quang Huy

Đinh Thị Mừng

***Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích tác động của vốn đầu tư, lao động đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre. Nghiên cứu sử dụng mô hình ARDL được tổng hợp từ các nghiên cứu trước và phù hợp với đặc điểm kinh tế tại tỉnh Bến Tre, bao gồm các biến tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng vốn đầu tư, tăng trưởng lao động. Dữ liệu được tiếp cận và tổng hợp từ nguồn dữ liệu thứ cấp tại Niên giám thống kê - Cục Thống kê của tỉnh Bến Tre từ năm 2000 đến 2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vốn và lao động có tác động làm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre trong dài hạn.*

***Từ khóa:** Lao động; Mô hình ARDL; Tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre; Vốn đầu tư.*

Giới thiệu

Bến Tre là một tỉnh nông nghiệp thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có thế mạnh nguồn nhân lực khá dồi dào. Trong giai đoạn hiện nay, cơ cấu kinh tế của tỉnh đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, cùng với sự hình thành và phát triển của các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ và du lịch... đòi hỏi phải có một nguồn nhân lực đảm bảo đủ số lượng, đồng bộ về chất lượng, hợp lý về cơ cấu để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cung ứng nguồn lao động cho các doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước.

Trong 05 năm qua, kinh tế của tỉnh phát triển ổn định và duy trì được mức tăng trưởng khá cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân ước tăng 6,41%/năm; trong đó, nông nghiệp (Khu vực I) tăng 3,92%/năm; Công nghiệp (Khu vực II) tăng 10,44%/năm; dịch vụ (Khu vực III) tăng 6,75%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đúng hướng:

giảm tỷ trọng Khu vực I (từ 37,8% năm 2015 dự kiến giảm xuống còn 36,58% năm 2020), tăng tỷ trọng của Khu vực II (từ 17,9% năm 2015 dự kiến tăng lên 19,07% năm 2020) và Khu vực III (từ 40,6% năm 2015 dự kiến tăng lên 40,7% năm 2020) (Niêm giám Thống kê tỉnh Bến Tre qua các năm).

Vì vậy, việc phân tích đóng góp của các yếu tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bến Tre sẽ góp phần đề xuất chính sách cho vấn đề sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng trong dài hạn.

1. Cơ sở lý thuyết

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng khả năng sản xuất của một quốc gia theo thời gian (Harvey & Johnson, 1973). Có thể nói, tăng trưởng kinh tế là mục tiêu quan trọng hàng đầu đối với mỗi nền kinh tế. Nhiều nghiên cứu nhận định tăng trưởng kinh tế mang lại khả năng có một mức sống cao hơn. Mức sống của người dân thường được đo bằng số lượng hàng hoá và dịch vụ được cung cấp, vì vậy, tăng trưởng kinh

tế đồng nghĩa với sự gia tăng thu nhập của người dân.

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tổng sản phẩm trong nước (GDP) hoặc tổng sản lượng quốc dân (GNP) hoặc quy mô sản lượng quốc gia tính bình quân trên đầu người (PCI) trong một thời gian nhất định. Thông thường, tăng trưởng kinh tế thường được đo bằng chỉ số tốc độ tăng trưởng GDP. Có một sự khác biệt quan trọng giữa biến động tăng trưởng của chu kỳ kinh tế (biến động theo chu kỳ) và tăng trưởng dài hạn (xu hướng lâu dài). Sự tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào 2 quá trình: Sự tích lũy tài sản (như vốn, lao động và đất đai) và đầu tư những tài sản này có năng suất hơn.

Ngoài ra, còn những nhân tố khác quyết định tăng trưởng, như công nghệ - bao gồm khoa học, kỹ thuật, kỹ thuật quản lý; tài nguyên thiên nhiên - đất đai, dầu mỏ, khoáng sản, chất lượng môi trường; thể chế - quyền tài sản, hợp đồng thực thi (hệ thống pháp luật), luật sáng chế và bản quyền; văn hóa - vốn xã hội, năng lực kinh doanh và tinh thần tự chủ. Việc xác định các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế đã được đồng đạo các nhà nghiên cứu ở trong và ngoài nước thực hiện từ lâu.

Trong quá trình sản xuất, lao động và vốn là những yếu tố đầu vào quan trọng được kết hợp để tạo ra một hoặc một số đầu ra. Ngoài phần đóng góp của nhân tố lao động và vốn, còn một phần giá trị mới do một bộ phận vô hình tạo ra. Bộ phận không nhìn thấy này chính là tác động tổng hợp của các yếu tố đầu vào và được gọi là A.

Các nhà kinh tế học người Mỹ là Cobb - Douglas sử dụng khái niệm trừu tượng của hàm sản xuất tổng hợp:

$$Y = F(K, L, A).$$

Hàm sản xuất Cobb-Douglas được trình bày dưới dạng một hàm mũ:

$$Y = AK^{\alpha}L^{\beta}$$

Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã sử dụng hàm sản xuất Cobb - Douglas mở rộng và các biến được tổng hợp từ các nghiên cứu trước phù hợp với đặc điểm kinh tế tại địa phương (Canning và cộng sự, 2004; Nguyễn Quang Hiệp, 2013; Phạm Hồng Mạnh và cộng sự, 2014; Biswas và cộng sự, 2014; Hoàng Thị Thu, 2018). Ngay ở Việt Nam hiện cũng có các nghiên cứu về đóng góp của các yếu tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Phải kể đến là nghiên cứu của Lê Xuân Bá và cộng sự (2006) cho thấy hơn 90% tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế được giải thích bởi sự đóng góp của yếu tố vốn, vốn con người và số lượng lao động. Nghiên cứu của tác giả Cù Chí Lợi (2008) đã sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas để xem xét mối tương quan giữa gia tăng về vốn, lao động và tăng trưởng đầu ra. Kết quả cho thấy, việc gia tăng về vốn và lao động là những động lực chủ yếu đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Nghiên cứu của tác giả Trần Thọ Đạt (2005) cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 1986-2004 (trừ năm 2003) có sự đóng góp khá cao của yếu tố TFP. Tác giả Nguyễn Thị Cảnh (2009) đã cho thấy, trong 1% tăng lên của GDP thì đóng góp của vốn là 73%, của lao động là 2,5% và của năng suất nhân tố tổng hợp là 24,5%.

Ngoài ra, có khá nhiều nghiên cứu ứng dụng mô hình ARDL trong phân tích tác động của nhiều nhân tố khác nhau đến tăng trưởng kinh tế như của Butt và cộng sự (2008), Ismail và cộng sự (2014), Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư và Lê Hoàng Phong (2014), Adeyemi và cộng sự (2016), Phạm Thị Hoàng Anh và Phạm Đức Anh (2018), Ngô Thị Thanh Thúy (2019). Tất cả các nghiên cứu trên đều cho thấy các yếu tố như tác động của kiều hối, vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư công, lao động, nguồn lực con người đều thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của quốc gia hoặc địa phương. Vì vậy bài viết ứng dụng mô hình ARDL vào kiểm tra mối quan hệ giữa

tăng trưởng vốn và tăng trưởng lao động với tăng trưởng kinh tế tại tỉnh Bến Tre.

Bài viết sử dụng các biến tăng trưởng GRDP được sử dụng làm biến phụ thuộc trong mô hình. Biến tăng trưởng vốn đầu tư xã hội bởi trong xu hướng phát triển hiện nay, cùng với khu vực đầu tư nhà nước và đầu tư trực tiếp từ nước ngoài thì đầu tư tư nhân đã và đang đóng góp giá trị gia tăng cho nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Biến tăng trưởng lao động là tăng trưởng những người lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế tại tỉnh Bến Tre.

Thời gian nghiên cứu từ năm 2000 đến 2019. Số liệu thu thập từ niên giám thống kê Bến Tre qua các năm.

Mô hình nghiên cứu ARDL:

$$GRDP_t = \alpha + \sum_{i=1}^p \beta_i GRDP_{t-i} + \sum_{j=0}^{q_1} \beta_{j1} K_{t-j} + \sum_{k=0}^{q_2} \beta_{k2} L_{t-k} + \varepsilon_t$$

Trong đó GRDP: là tốc độ tăng trưởng kinh tế

K: tăng trưởng vốn đầu tư xã hội

L: tăng trưởng lao động có việc làm

p: độ trễ tối ưu của biến GRDP

q₁, q₂: độ trễ tối ưu của biến K và L theo thứ tự

ε : sai số

2. Kết quả nghiên cứu

Để thực hiện mô hình ARDL thì trước tiên các chuỗi thời gian phải được kiểm định tính dừng thông qua tiêu chí thống kê ADF.

BẢNG 1. KIỂM ĐỊNH ĐƠN VỊ ADF

Biến	Giá trị thống kê t	Giá trị tới hạn	Biến	Giá trị thống kê t	Giá trị tới hạn
GRDP	-2,549638	-2,655194	Δ GRDP	-4,598797	-3,886751***
K	-2,043122	-2,673459	Δ K	-4,493205	-3,959148***
L	-3,645941	-3,029970**			

Ghi chú: **: mức ý nghĩa 5%; ***: mức ý nghĩa 1%

Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả.

Từ Bảng 1 có thể thấy rằng chuỗi L là chuỗi dừng, trong khi đó chuỗi GRDP và K chỉ dừng

ở sai phân bậc 1. Như vậy các chuỗi đảm bảo điều kiện để thực hiện mô hình ARDL.

BẢNG 2. ĐỘ TRỄ TỐI ƯU LẦN 1

Độ trễ	LR	FPE	AIC	SC	HQ
0	NA	5,42e-10	-12,82232	-12,67746	-12,81490
1	21,74320	2,82e-10	-13,50925	-12,92981	-13,47958
2	4,238213	6,34e-10	-12,85516	-11,84114	-12,80324
3	9,151131	6,73e-10	-13,25535	-11,80675	-13,18117
4	44,37039*	2,82e-15*	-26,92048*	-25,03730*	-26,82405*

Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả.

Độ trễ tối ưu có thể được thực hiện bằng cách gán các độ trễ tối đa cho từng biến và thực

hiện mô hình ARDL, từ đó mô hình sẽ lựa chọn độ trễ tối ưu cho từng biến trong mô hình. Cách

thứ hai là tìm độ trễ tối ưu theo mô hình VAR. Ở bài viết nhóm tác giả sử dụng mô hình VAR để xác định độ trễ tối ưu.

Bảng 2 cho biết độ trễ tối ưu là 4 cho tất cả các biến. Tuy nhiên vì chuỗi thời gian thu thập

được không đủ dài do hạn chế về số liệu nên nhóm tác giả thử lại với độ trễ tối đa cho tất cả các biến là 3 thì độ trễ tối ưu cho tất cả các biến đều là 1 (Xem Bảng 3).

BẢNG 3. ĐỘ TRỄ TỐI ƯU LẦN 2

Độ trễ	LR	FPE	AIC	SC	HQ
0	NA	6,58e-10	-12,62862	-12,48158	-12,61400
1	23,89589*	3,10e-10*	-13,40794*	-12,81979*	-13,34947*
2	4,755458	6,32e-10	-12,82466	-11,79540	-12,72235
3	7,641584	8,80e-10	-12,85749	-11,38712	-12,71133

Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả.

Bước tiếp theo xác định mối quan hệ dài hạn giữa các chuỗi thời gian với nhau. Với giả thuyết:

H₁: Có mối quan hệ dài hạn

Nhóm tác giả sử dụng kiểm định Bound.

H₀: Không có mối quan hệ dài hạn

BẢNG 4. KIỂM ĐỊNH TÍNH ĐỒNG LIÊN KẾT

Loại kiểm định	Giá trị	Mức ý nghĩa	I(0)	I(1)
Thống kê F	12,80268	10%	3,17	4,14
k	2	5%	3,79	4,85
		2,5%	4,41	5,52
		1%	5,15	6,36

Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả.

Kiểm định đường Bound cho thấy mô hình xuất hiện mối quan hệ dài hạn hay có sự đồng liên kết giữa các biến trong dài hạn (xem Bảng

4). Như vậy trong dài hạn các biến GRDP, K và L có mối quan hệ trong dài hạn với nhau.

BẢNG 5. ƯỚC LƯỢNG CÁC HỆ SỐ DÀI HẠN CỦA MÔ HÌNH

Biến	Hệ số	Sai số	Giá trị p
K	0,080250	0,025507	0,0077
L	1,056899	0,388983	0,0176
Hệ số chặn	0,055444	0,006009	0,0000
ECM = GRDP - (0,0802*K + 1,0569*L + 0,0554)			

Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả.

Tăng trưởng vốn và tăng trưởng lao động đều có tác động cùng chiều trong dài hạn đến tăng trưởng kinh tế Bến Tre với mức ý nghĩa 5%. Các biến đều mang dấu dương phù hợp với

kỳ vọng tăng vốn và tăng trưởng lao động sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Như vậy, vốn và lao động có tác động làm thúc đẩy tăng trưởng Bến Tre trong dài hạn (xem Bảng 5).

BẢNG 6. ƯỚC LƯỢNG CÁC HỆ SỐ NGẮN HẠN CỦA MÔ HÌNH

	Hệ số	Sai số	Giá trị p
ECM(-1)	-0,852387	-5,278554	0,0001
ΔK	-0,004716	-0,190321	0,8520
ΔL	0,239157	1,081233	0,2992

Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả.

Mặc dù trong ngắn hạn các biến vốn và lao động không có tác động đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bến Tre (các hệ số không có ý nghĩa thống kê). Tuy nhiên trong dài hạn thì các yếu tố vốn và lao động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Bến Tre do hệ số ECM (-1) có ý nghĩa ở mức 5% (Bảng 6). Vì vậy, mặc dù trong ngắn hạn tăng trưởng vốn và tăng trưởng lao động chưa thể hiện tác động rõ rệt lên tăng trưởng kinh tế tỉnh

Bến Tre nhưng trong dài hạn tăng trưởng kinh tế tỉnh có khả năng tự điều chỉnh về mức cân bằng.

Cuối cùng, các kiểm định khuyết tật của mô hình được thực hiện bao gồm kiểm định phân phối chuẩn của phần dư (bằng kiểm định Jarque Bera), kiểm định phương sai sai số thay đổi (bằng kiểm định Breusch-Pagan-Godfrey), kiểm định hiện tượng tự tương quan (bằng kiểm định nhân tử Lagrange) và kiểm định sự phù hợp của mô hình (bằng kiểm định Ramsey test).

BẢNG 7. KIỂM ĐỊNH CÁC VI PHẠM CỦA MÔ HÌNH

Loại kiểm định	Giá trị (Obs*R_square)	Kết luận
Phân phối chuẩn của phần dư	1,353533 p=0,508258	Phần dư có phân phối chuẩn
Phương sai thay đổi	6,203000 p=0,2870	Phương sai sai số không đổi
Tự tương quan	0,376296 p=0,5396	Không có hiện tượng tự tương quan
Kiểm định sự phù hợp của dạng hàm	1,037390 p= 0,3285	Mô hình dạng chuẩn

Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả.

Các kết quả kiểm định trên đều cho thấy mô hình không gặp phải các lỗi như phần dư có phân phối chuẩn, phương sai thay đổi, hiện tượng tự tương quan và thiếu biến quan trọng.

Như vậy các kết quả ước lượng ở trên là đáng tin cậy để đề xuất hàm ý chính sách.

Các kết quả hồi quy ở trên cho thấy có sự tác động cùng chiều của cả vốn và lao động đến

tăng trưởng kinh tế ở Bến Tre, điều này phù hợp với các nghiên cứu đi trước tại Việt Nam như nghiên cứu của Phạm Hồng Mạnh và cộng sự (2014), Hùng và cộng sự (2015), Hoàng Thị Thu (2018). Tuy nhiên, tác động của hai nhân tố này chỉ thể hiện trong dài hạn, còn tác động trong ngắn hạn ngược chiều và không có ý nghĩa thống kê. Trong dài hạn, khi tăng trưởng vốn tăng 1% thì tăng trưởng kinh tế Bến Tre tăng 8,02% với yếu tố lao động giữ nguyên không đổi; Khi tăng trưởng lao động tăng 1% thì tăng trưởng Bến Tre tăng 105,68% với yếu tố vốn không đổi. Có thể thấy rằng trong dài hạn yếu tố lao động tác động nhiều đến tăng trưởng Bến Tre hơn là yếu tố vốn.

3. Đề xuất

Tỉnh Bến Tre phấn đấu đến năm 2025 trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá trong cả nước. Mục tiêu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt từ 8,5- 9,5%/năm, GRDP bình quân đầu người phấn đấu tăng gấp đôi so với năm 2020, đạt khoảng 87 triệu đồng. Để đạt được những mục tiêu trên, tỉnh cần huy động được nguồn vốn khoảng 135.000 -140.000 tỷ đồng cho đầu tư phát triển, nhất là các dự án, công trình trọng điểm, đột phá. Nguồn vốn này không thể chỉ thuần túy dựa vào ngân sách nhà nước mà cần được huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ khu vực tư nhân.

Đồng thời, tỉnh cũng cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó, tập trung vào các giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng: Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đào tạo; Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ, đa dạng hóa nội dung phương pháp đào tạo; Rà soát sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở và linh hoạt, tập trung đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực có tay nghề cao, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp, từng

bước chuyên công tác đào tạo theo hướng đặt hàng của các doanh nghiệp và cung ứng lao động cho thị trường trong và ngoài tỉnh. Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Bến Tre trở thành trường cao đẳng đa ngành nghề để đào tạo nhân lực cho tỉnh; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 14-2-2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030” để chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; Đẩy mạnh liên kết và hợp tác với các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu có chất lượng trong và ngoài nước trong đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để lực lượng lao động có điều kiện học tập nâng cao trình độ, từng bước hình thành đội ngũ công nhân kỹ thuật giỏi, nhân viên lành nghề trong các ngành, lĩnh vực; Nâng cao năng lực phân tích, dự báo lao động thuộc các lĩnh vực, ngành nghề, đặc biệt là đối với các ngành mũi nhọn; Các giải pháp về cơ chế, chính sách.

Mặt khác, chính quyền tỉnh đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế địa phương. Với vai trò là những nhà lãnh đạo phát triển kinh tế địa phương, những nhà lãnh đạo địa phương cùng với người dân xây dựng tầm nhìn chiến lược cho tương lai, đồng thời thực hiện nhiều chính sách và biện pháp để đưa những tầm nhìn này vào cuộc sống. Ở mức độ cơ bản nhất là đảm bảo một môi trường an toàn và ổn định để phát triển kinh tế xã hội địa phương, gồm cơ sở hạ tầng vật chất như giao thông, quản lý chất thải, thông tin và truyền thông, giáo dục, y tế, môi trường. Tuy nhiên, vai trò của những nhà quản lý tại các tỉnh, thành phố ngày càng vượt ra khỏi những vai trò truyền thống này, như là việc thúc đẩy khởi nghiệp, hình thành và phát triển các doanh nghiệp mới, các chương trình phát triển lực

lượng lao động, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển. Hơn nữa, tăng trưởng kinh tế cũng phải gắn liền với tính bền vững của môi trường và các truyền thống văn hóa.

Kết luận

Nghiên cứu sử dụng tập dữ liệu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2000 đến 2019, áp dụng mô hình hồi quy bằng phương pháp ước lượng ARDL đối với biến phụ thuộc tăng trưởng kinh tế, các biến độc lập lần lượt là tăng trưởng vốn và tăng trưởng lao động. Kết quả nghiên cứu cho rằng vốn và lao động có tác động tích cực đối với

tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre trong giai đoạn 2000 đến 2019, mặc dù các nhân tố này không ảnh hưởng mạnh trong ngắn hạn nhưng về lâu dài sự tăng trưởng trong đầu tư vốn xã hội và sự gia tăng lao động có khả năng đáp ứng công việc sẽ thúc đẩy tăng trưởng Bến Tre. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng có hạn chế như dữ liệu có thể xem là quá ngắn để thực hiện một mô hình đầy đủ. Nếu dữ liệu dài hơn sẽ thực hiện mô hình với độ trễ bằng 4 sẽ cho thấy rõ hơn các tác động của vốn và lao động đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bến Tre.

Tài liệu tham khảo

1. Adeyemi, P. A., Ogunsola, A. J. (2016). The impact of human capital development on economic growth in Nigeria: ARDL approach. *Journal of Humanities and Social Science*, 21(3), 1-7.
2. Anh, P. T. H., & Anh, P. Đ. (2018). Kiểm chứng tác động của kiều hối tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam dựa trên mô hình ARDL. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 29(2), 24-39.
3. Biswas, S., & Saha, A. K. (2014). Macroeconomic Determinants of economic growth in India: A Time series analysis. *SOP Transactions on Economic Research*, 1(2), 54-73.
4. Butt, S. A. Hassan, A. (2008). Role of trade, external debt, labor force and education in economic growth: Empirical evidence from Pakistan by using ARDL approach. *European Journal of Scientific Research*, 20(4).
5. Canning D, Pedroni P. (2004). *The Effect of Infrastructure on long run Economic Growth*. Harvard University, pp.1-30.
6. Cù Chí Lợi (2008). Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, 336, tr. 3-9.
7. Harvey J, Johnson (1973). *Economic Growth Introduction to Macro-Economics: A Workbook*. London: Palgrave Macmillan UK.
8. Hiệp, N. Q. (2013). Các nguồn tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 28-39.
9. Hùng, B. Đ., & Hiệp, H. H. (2015). Mô hình tăng trưởng vùng Nam Trung bộ Việt Nam giai đoạn 2001-2012: Một nghiên cứu thực nghiệm. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 26 (2), 83-99.
10. Ismail, R., Yuliyusman, F. (2014). Foreign labour on Malaysian growth. *Journal of Economic Integration*, 657-675.
11. Lê Xuân Bá, Nguyễn Thị Tuệ Anh (2006). *Tăng trưởng Kinh tế Việt Nam 15 năm (1991 - 2005): từ góc độ phân tích đóng góp của các yếu tố sản xuất*. Hà Nội: NXB Khoa học và kỹ thuật.
12. Mạnh, P. H., Ngọc, N. V., & Dao, H. T. T. (2020). Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và việc làm tại Việt Nam. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 02-14.
13. Niên giám Thống kê tỉnh Bến Tre qua các năm.

14. Nguyễn Thị Cành (2009). Kinh tế Việt Nam qua các chỉ số phát triển và những tác động của quá trình hội nhập”. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*. tr. 11-17.
15. Thu, H. T. (2018). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh dưới góc độ năng suất các nhân tố sản xuất. *TNU Journal of Science and Technology*, 188(12/3), 235-241.
16. Thuy, N. T. T. (2019). Ứng dụng mô hình ARDL nghiên cứu tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định trên góc độ vốn đầu tư. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 18, 126-130.
17. Tran, T. N. N. A., & Le, P. H. (2014). Tác động của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: Góc nhìn thực nghiệm từ mô hình ARDL [The impact of public investment on economic growth in Vietnam: An experimental perspective from the ARDL model]. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 19, 3-10.
18. Trần Thọ Đạt (2005). *Các mô hình tăng trưởng kinh tế*. Hà Nội: NXB Thống kê.

Thông tin tác giả:

1. Hoàng Võ Hằng Phương, ThS.

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Lao động - xã hội, cơ sở II.

- Địa chỉ email: hoangvohangphuong@gmail.com

2. Ngô Quang Huy, ThS.

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Lao động - xã hội, cơ sở II.

3. Đinh Thị Mừng, ThS.

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Lao động - xã hội, cơ sở II.

Ngày nhận bài: 11/3/2021

Ngày nhận bản sửa: 9/5/2021

Ngày duyệt đăng: 24/5/2021